|  |  |
| --- | --- |
| DDCI | **CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH &**  **ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NINH** |

**GIỚI THIỆU VỀ KHẢO SÁT**

|  |
| --- |
| Năm 2019 là năm thứ 5 liên tiếp tỉnh Quảng Ninh chính thức triển khai đánh giá chất lượng năng lực điều hành Địa phương và Sở, Ban, Ngành của tỉnh thông qua bộ chỉ số DDCI. Bộ chỉ số này là một sáng kiến của tỉnh Quảng Ninh, được chính phủ, các tổ chức đoàn thể xã hội và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, góp phần làm thay đổi thái độ, chất lượng dịch vụ công của tỉnh. DDCI đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh Quảng Ninh, xếp thứ 2 trong số 63 tỉnh/thành phố trên cả nước trong năm 2016 và hai lần liên tiếp xếp thứ nhất trong bảng xếp hạng PCI 63 tỉnh thành năm 2017 và 2018. Kết quả khảo sát, tổng hợp các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp là nguồn thông tin quý giá giúp Tỉnh Quảng Ninh, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng doanh nghiệp cùng nhau giám sát, cải thiện mọi mặt chất lượng điều hành kinh tế của cán bộ các cấp. Khảo sát được triển khai trên quy mô toàn tỉnh do nhóm chuyên gia nghiên cứu độc lập phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, điều phối bởi Ban Xúc tiến và Hỗ trợ Đầu tư tỉnh Quảng Ninh. Chúng tôi chân thành cảm ơn các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã hợp tác và đóng góp ý kiến. Chúng tôi cam kết tất cả những thông tin doanh nghiệp cung cấp đều được bảo đảm bí mật và khuyết danh chỉ phục vụ mục đích thống kê và nghiên cứu.  **[Hướng dẫn điền phiếu]** Để khảo sát đạt kết quả tốt nhất, Nhóm nghiên cứu khuyến nghị lãnh đạo doanh nghiệp và các thành viên chủ chốt (trưởng phòng/cán bộ quản lý của các bộ phận chuyên môn hoặc người có am hiểu về lịch sử, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) cùng tham gia vào quá trình trả lời các câu hỏi. Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ “***doanh nghiệp***” bao gồm cả hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể. Với những ô trống, vui lòng đánh dấu ✓ vào những phương án lựa chọn. Chúng tôi cũng gửi kèm bản mềm phiếu khảo sát vào email của anh/chị để có thể điền phiếu bản mềm và gửi trực tiếp vào email của tổ công tác theo địa chỉ: ddciquangninh2019@gmail.com.  **[Hướng dẫn gửi phiếu]**Sau khi hoàn thành phiếu khảo sát, đề nghị Quý doanh nghiệp gửi lại phiếu đã trả lời trong phong bì kín (được gửi kèm trong phong bì thư có in sẵn địa chỉ hòm thư bảo mật tại Hà Nội).*Quý doanh nghiệp gửi phiếu khảo sát đã điền về hòm thứ bảo mật hoàn toàn miễn phí.*  Địa chỉ nơi nhận phiếu khảo sát: **Hòm thư lưu ký : IPOBox xxxxxx, Số 6, Đinh Lễ , Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, theo mã bưu điện: xxxxxx/HĐDVBC/HNPOST-ISC.**  **[Trung tâm hỗ trợ]** Trong quá trình điền phiếu khảo sát, chúng tôi sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào từ phía doanh nghiệp thông qua đường dây nóng:   * Điện thoại của Trung tâm hỗ trợ giải đáp thông tin DDCI * …. * …. * Hoặc email: [***giaidapddci@gmail.com***](mailto:giaidapddci@gmail.com) * Cổng thông tin của Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ninh*:* [***http://investinquangninh.vn/hoi-dap-ddci***](http://investinquangninh.vn/hoi-dap-ddci-nl1209.html/?page=3) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã phiếu:** |  |  | **-** |  |  |  |  |

(Mã địa phương - Số thứ tự phiếu phát ra)

**PHIẾU 1**

**THÔNG TIN CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Tên doanh nghiệp/ HTX/ HKD**: ………………………………………………………………………

***2.* Mã số thuế của doanh nghiệp** *(Viết đủ 10 chữ số):*

**3. Địa chỉ đăng ký của DN/ HTX/ HKD**: ………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………….

**4. Địa chỉ trụ sở hoạt động (2019):** ………………………………………………………………………

**5. Số điện thoại**:……………………………… 6**. Email**:…………………………………………….

**7. Doanh nghiệp có tham gia Hiệp hội Doanh nghiệp/Hiệp hội ngành nghề tỉnh Quảng Ninh?**

|  |  |
| --- | --- |
| Có | Không*(chuyển tới câu 7)* |

Nếu có cho biết tên Hiệp hội/Hội DN**:……………………………………………………………………**

**Đề nghị anh/chị cho biết lợi ích của việc tham gia các Hiệp hội trên:**

Chính quyền hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho Doanh nghiệp

Phản ánh được nguyện vọng, ý kiến với chính quyền

Tăng cường kết nối, cơ hội kinh doanh với các Doanh nghiệp khác

Tăng cường vị thế, cải thiện chất lượng đối thoại với chính quyền

Không có lợi ích nào cụ thể

**8. Năm được cấp Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:**(trước đây là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) ……………………………………………………………………………………………………….

**9. Năm bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh**: ……………………………………………………...

**10. Loại hình doanh nghiệp***(bao gồm các công ty,doanh nghiệp, các hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể)* **theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:***(Chỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Doanh nghiệp tư nhân | Công ty cổ phần | Hợp tác xã |
| Công ty TNHH | Công ty hợp danh | Hộ kinh doanh cá thể |

**11. Nguồn vốn chi phối hoạt động doanh nghiệp là:** *(Chọn MỘT phương án)*

|  |  |
| --- | --- |
| Của tư nhân trong nước | Nhà đầu tư nước ngoài |

**12. Lĩnh vực hoạt động chính** *(là lĩnh vực tạo ra doanh thu lớn nhất)* **của doanh nghiệp:***(Chỉ chọn MỘT phương án)*

|  |  |
| --- | --- |
| Nông nghiệp-lâm nghiệp-thủy sản | Dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ thương mại) |
| Công nghiệp (bao gồm chế tạo và chế biến) | Khai khoáng |
| Xây dựng |  |

**13. Tổng số vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?***(Chỉ chọn MỘT phương án ở mỗi dòng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Từ 3 tỷ trở xuống** | **Trên 3 tỷ đến 10 tỷ** | **Trên 10 tỷ đến 20 tỷ** | **Trên 20 tỷ đến 50 tỷ** | **Trên 50 đến 100 tỷ** | **Trên 100 tỷ đến 200 tỷ** | **Trên 200 tỷ trở lên** |
| 1. Tổng số vốn đăng ký vào thời điểm thành lập doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số vốn thực tế đã đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong năm 2019 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm 2019 |  |  |  |  |  |  |  |

**14. Tổng số lao động của doanh nghiệp?***(Chỉ chọn MỘT phương án ở mỗi dòng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Từ 10 lao động trở xuống** | **Từ 11 đến 50 lao động** | **Từ 51 đến 100 lao động** | **Từ 101 đến 200 lao động** | **Từ 201 đến 300 lao động** | **Từ 301 lao động trở lên** |
| 1. Vào thời điểm thành lập DN |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số lao động đã tuyển dụng tính đến thời điểm thành lập đến nay |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số lao động đã tuyển dụng tại địa bàn tỉnh Quảng Ninh tính từ thời điểm thành lập đến năm 2019 |  |  |  |  |  |  |
| 1. Số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp tính đến thời điểm tham gia khảo sát năm 2019 |  |  |  |  |  |  |

**15. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với những nhận định dưới đây**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận định/tình huống** | **Đã có** | **Chưa có** | **Có kế hoạch triển khai** |
| 1. Khi gặp các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Doanh nghiệp tập trung khắc phục hậu quả |  |  |  |
| 1. Khi gặp các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh, Doanh nghiệp tập trung rà soát và điều chỉnh quy trình làm việc để ngăn ngừa tình trạng tương tự tái diến. |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp đã ban hành và thực thi đánh giá kết quả công việc của nhân viên qua bộ chỉ số hiệu quả công việc (KPI) |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp đề bạt và thăng chức cho cán bộ, nhân viên dựa trên thâm niên lao động và sự trung thành với tổ chức |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp đề bạt và thăng chức cho cán bộ dựa trên kết quả, hiệu quả công việc và khả năng phát triển |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp có chính sách chính thức và thực thi việc thu thập, tổ chức và phân tích các dữ liệu thị trường, đầu vào, đầu ra (ví dụ cơ sở dữ liệu khách hàng, nhà cung cấp, v.v.) |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp có chủ yếu sử dụng kết quả phân tích các dữ liệu thị trường, đầu vào, đầu ra cho các quyết định đầu tư, kinh doanh |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp thực thi chính sách quản lý rủi ro chuỗi cung ứng bao gồm các nhà cung ứng đầu vào và các nhà phân phối đầu ra |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp thực thi chính sách quản lý rủi ro từ thiên tai và các hiện tượng bất thường *(mua bảo hiểm, đầu tư ngăn ngừa rủi ro, đào tạo tập huấn cán bộ phòng chống rủi ro, v.v.)* |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp có quy định và thực thi việc công bố, công khai các thông tin liên quan đến tầm nhìn, chiến lược, quy tắc đạo đức kinh doanh, kế hoạch và chế độ, nội quy bên trong công ty |  |  |  |

**16. Tình hình hoạt động năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018?** *(Chỉ chọn MỘT phương án ở mỗi dòng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Giảm** | **Giảm**  **chút ít** | **Duy trì so với cùng kỳ** | **Tăng chút ít** | **Tăng** |
| 1. Doanh thu |  |  |  |  |  |
| 1. Lợi nhuận |  |  |  |  |  |
| 1. Số lượng lao động |  |  |  |  |  |
| 1. Số lượng khách hàng mới |  |  |  |  |  |
| 1. Đầu tư/áp dụng công nghệ thông tin |  |  |  |  |  |
| 1. Dự kiến quy mô kinh doanh trong năm 2019 |  |  |  |  |  |

**17. Bằng cấp cao nhất đạt được của lãnh đạo doanh nghiệp?** *(Lãnh đạo doanh nghiệp là người đại diện pháp lý của doanh nghiệp hoặc chủ hộ kinh doanh/Chủ nhiệm hợp tác xã)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trung học cơ sở | Trung học phổ thông |  |
| Trung cấp | Cao đẳng/Đại học | Trên đại học |

**18. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với những nhận định dưới đây**

| **Đánh giá** | **Đã có** | **Chưa có** | **Có kế hoạch triển khai** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Doanh nghiệp đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử nội bộ doanh nghiệp |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp thực thi có hiệu quả và thống nhất bộ quy tắc ứng xử nội bộ trong toàn hệ thống doanh nghiệp |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp có phân công cán bộ trịu trách nhiệm (toàn thời gian hoặc kiêm nhiệm) các vấn đề xã hội, nhân đạo và thiện nguyện. |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp tổ chức các khóa đào tạo cho người lao động về quyền lợi của người lao động bao gồm không phân biệt đối xử, thù lao làm ngoài giờ, lao động trẻ em v.v. |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp có chính sách chính thức bảo vệ môi trường về tiết kiệm năng lượng và sử dụng nước |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp có chính sách chính thức bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý rác thải và hạn chế chất thải rắn hoặc hóa chất tồn dư |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ và nguyên liệu đầu vào cũng phải tuân thủ các quy chế, quy định của doanh nghiệp về lao động, bảo vệ môi trường |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp đã tiến hành kiểm toán nội bộ các vấn đề và chính sách trách nhiệm xã hội |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp đã tiến hành kiểm toán bên thứ ba các vấn đề và chính sách trách nhiệm xã hội |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp đã tiến hành kiểm toán các vấn đề và chính sách bảo vệ môi trường |  |  |  |

**19. Doanh nghiệp cho biết ý kiến với những nhận định dưới đây**

|  | **Đồng ý** | **Phần nào đồng ý** | **Phần nào không đồng ý** | **Không đồng ý** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Văn hóa của chúng tôi khiến cho mọi người khó đưa ra được những ý tưởng đột phá, mới mẻ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Mọi người trong phòng/ban/đơn vị của chúng tôi thường không đưa ra được nhiều ý tưởng tốt | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Chúng tôi có rất ít dự án đổi mới sáng tạo đòi hỏi sự phối hợp tham gia của nhân sự từ các đơn vị hoặc chi nhánh khác nhau | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Nhân viên của chúng tôi thường không hào hứng đối với việc tham gia các dự án hợp tác với các đơn vị hoặc chi nhánh khác | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Rất ít ý tưởng tốt về sản phẩm/dịch vụ/hoạt động kinh doanh mới đến từ các nguồn bên ngoài doanh nghiệp | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Người của chúng tôi thường tỏ thái độ “đó không phải là sản phẩm được tạo ra ở đây” – họ không coi trọng các ý tưởng đến từ bên ngoài giống như các ý tưởng được đưa ra từ trong nội bộ doanh nghiệp | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Chúng tôi có những quy định ngặt nghèo trong việc đầu tư vào các dự án mới – thường rất khó để các ý tưởng mới có thể được chấp thuận đầu tư | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Chúng tôi thường có thái độ sợ rủi ro đối với việc đầu tư vào các ý tưởng đột phá | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Các dự án phát triển sản phẩm mới thường không hoàn thành đúng kế hoạch | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Đội ngũ quản lý của chúng tôi thường không cảm thấy hứng thú với việc triển khai các hoạt động kinh doanh mới | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Chúng tôi thường chậm triển khai các sản phẩm và ý tưởng kinh doanh mới | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Các đối thủ cạnh tranh thường nhanh chóng sao phép sản phẩm của chúng tôi và đưa những sản phẩm này vào các địa bàn khác trước chúng tôi | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Chúng tôi không đưa được các sản phẩm, dịch vụ mới thâm nhập được vào tất cả các kênh phân phối, các nhóm khách hàng, và các vùng miền tiềm năng | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Khi gặp khó khăn trong việc thực hiện, áp dụng thử các ý tưởng mới, chúng tôi không biết tìm ai để được giúp đỡ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 1. Chúng tôi không biết tìm thông tin về các ĐMST tương tự ở đâu để học hỏi | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

20. Việt Nam ngày càng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và Chính phủ Việt Nam hiện đang kết thúc đàm phán và thực hiện cam kết với một số hiệp định kinh tế. Doanh nghiệp bạn có biết tới các hiệp định được liệt kê ở dưới đây không?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Không, lần đầu nghe nói | Có nghe nói, nhưng chưa tìm hiểu gì | Đã từng tìm hiểu một số thông tin | Đã tìm hiểu tương đối kỹ |
| Cộng đồng kinh tế ASEAN | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Hải Quan | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ  xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

21. **Xin Doanh nghiệp tự đánh giá mức độ về nhu cầu hiện tại của Doanh nghiệp đối với các hoạt động hỗ trợ của chính quyền cho việc hội nhập kinh tế quốc tế dưới đây** *(bằng cách cho điểm từ 0 đến 5 với 5 là rất cao, 1 là rất thấp và 0 là không có nhu cầu)*

| **Các hoạt động hỗ trợ của chính quyền cho doanh nghiệp để hội nhập quốc tế** | **0** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Tư vấn kinh doanh |  |  |  |  |  |  |
| 1. Thông tin thương mại |  |  |  |  |  |  |
| 1. Thông tin cơ hội kinh doanh |  |  |  |  |  |  |
| 1. Nghiên cứu thị trường trong nước và nước ngoài |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tham gia buổi gặp gỡ, giao lưu với đối tác nước ngoài |  |  |  |  |  |  |
| 1. Xây dựng kế hoạch kinh doanh |  |  |  |  |  |  |
| 1. Xây dựng chiến lược xuất khẩu |  |  |  |  |  |  |
| 1. Xây dựng và phát triển thương hiệu |  |  |  |  |  |  |
| 1. Đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu |  |  |  |  |  |  |
| 1. Hỗ trợ tài chính |  |  |  |  |  |  |
| 1. Hỗ trợ quản lí chất lượng |  |  |  |  |  |  |
| 1. Thiết kế bao bì đóng gói sản phẩm |  |  |  |  |  |  |
| 1. Kĩ năng nghiệp vụ thương mại quốc tế |  |  |  |  |  |  |
| 1. Ứng dụng thương mại điện tử |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phát triển hệ thống kênh phân phối |  |  |  |  |  |  |
| 1. Tìm kiếm và thẩm định đối tác kinh doanh |  |  |  |  |  |  |
| 1. Nghiên cứu và phát triển công nghệ |  |  |  |  |  |  |

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát: ……/……/2019

**Chức vụ/vị trí người trả lời:**

**Email:**

**Số điện thoại liên hệ:**

*(Trong trường hợp nhiều cán bộ trả lời bảng hỏi này, đề nghị điền thông tin cán bộ chức vụ cao nhất.)*

*Chúng tôi cam kết thông tin anh/chị cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối. Đóng góp ý kiến của Anh/Chị đã và đang góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh Quảng Ninh xây dựng địa phương thành nơi đáng sống và làm việc cho mọi công dân.*

***Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã tham gia khảo sát!***